TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2023/QĐST-HNGĐ	*Thanh Ba, ngày 01 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Trọng P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 2, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị O, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, Khoản 1 Điều 60, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Trọng P** và chị **Nguyễn Thị Minh P.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Anh P và chị P thỏa thuận: kể từ ngày 24/7/2023 chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bùi Phương H, sinh ngày 17/02/2010; anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về nợ chung:* Anh P và chị P, chị O thống nhất thỏa thuận: Chị P và anh P còn nợ chị Vũ Thị O số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Khi ly hôn, anh P có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị O số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng); chị P có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị O 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Khi quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh P, chị P không trả nợ được số tiền trên, kể từ ngày chị Vũ Thị O có đơn đề nghị thi hành án thì anh P, chị P phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Về tài sản chung, công sức đóng góp cho gia đình:* hai bên tự thoả thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Bùi Trọng P tự nguyện nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0003763 ngày 12/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Anh P còn phải nộp 25.000đ (Hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Minh P tự nguyện nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan